

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 485/2021/HS-PT

Ngày: 22/10/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;

Ông Bùi Xuân Trọng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Tân - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh T, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 640/2021/TLPT-HS ngày 27 tháng 7 năm 2021 do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2021/HS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ tên: **Nông Văn T1**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 05/6/1988, tại T. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ T2, phường Đ, thành phố T, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: S; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn A (đã chết) và bà Trần Thị T3; có vợ thứ nhất là chị Triệu Thị Thu G (đã ly hôn) có 01 con chung; vợ thứ hai là chị Đàm Thị Trang N có 01 con chung.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

Ngày 15/3/2007, bị Tòa án nhân dân tỉnh T xử phạt 30 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Ngày 23/5/2007, bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T, xử phạt Tù 42 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 72 tháng tù.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/8/2020 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Nguyễn Hồng V, Luật sư - Văn phòng Luật sư Đ1 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 15 phút ngày 08/6/2020, Nông Văn T1 đang ở nhà tại tổ 6, phường G1, thành phố T, tỉnh T thì nhận được điện thoại của chị Trần Thị T4, sinh năm 1987, trú tại tổ 21, phường P, thành phố T, tỉnh T, nói đang chờ T1 tại quán nước ép "Nông Tú" thuộc tổ 04, phường T5, thành phố T để nói chuyện về số tiền 50.000.000đ do chị T4 vay T1 khoảng tháng 11/2017 chưa trả. Đến nơi, T1 thấy chị T4 đang đứng trên hiên trước cửa quán, do bức xúc về việc chị T4 vay tiền của T1 không trả đúng hạn, nên T1 đã dùng chân, tay liên tục dẫm dẫm vào đầu, mặt, bụng, tay, chân của chị T4, làm chị T4 ngã ngửa xuống đường và dùng hai tay ôm đầu, T1 dùng chân đạp mạnh liên tục vào hai cánh tay chị T4 và dùng tay phải túm tóc chị T4, dùng tay tát vào mặt chị T4, chị T4 xin và hẹn hôm sau sẽ trả tiền, thì T1 mới dừng lại không đánh chị T4 nữa, lúc này có anh Nguyễn Tiến T6 (là chồng của chị T4 đã ly hôn) đi đến, T1 và T6 to tiếng với nhau. Sau sự việc anh T6 đưa chị T4 đến Bệnh viện đa khoa Trung ương T khám, thì phát hiện chị T4 bị gãy xương cánh tay phải.

Ngày 29/7/2020, chị T4 làm đơn yêu cầu khởi tố T1 về hành vi đã gây thương tích cho mình, đến tháng 8/2020, T1 nhờ anh Nguyễn Ngân S, sinh năm 1985, trú tại tổ 4, Phường T7, thành phố T, tỉnh T và đưa cho anh S số tiền 120.000.000 đồng để nhờ anh S gặp chị T4 giải quyết việc bồi thường, anh S đã gặp chị T4 trao đổi việc bồi thường, nhưng chị T4 không đồng ý.

Đến khoảng 20 giờ ngày 26/8/2020, T1 gọi điện hẹn gặp chị T4 tại quán cà phê M, thuộc tổ 7, phường T7, thành phố T, khi đi T1 mang theo 01 khẩu súng, dạng côn xoay vào túi màu đen, đeo chéo trước ngực, lái xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, biển kiểm soát 20F1-234.56 đi đến đoạn đường gần quán cà phê M, T1 thấy chị T4 đang đứng trên vỉa hè, cạnh xe mô tô nhãn hiệu HONDA AIRBLADE màu đen, BKS 20B1-683.41, cùng với anh Nguyễn Tiến T6. T1 xuống xe và đi đến chỗ chị T4 đang đứng, vừa đi T1 vừa nói "*Bồi thường thế nào*" và chửi chị T4. Khi đứng cách chị T4 khoảng 03m, T1 dùng tay phải rút súng từ túi đeo chéo trước ngực, giơ súng hướng về phía chị T4 và anh T6 bóp cò, phát bắn thứ nhất trúng vào người anh T6, anh T6 bỏ chạy và hô hoán, T1 tiếp tục bắn phát thứ hai trúng vào người chị T4, chị T4 ngã xuống đất. T1 đi đến cách chị T4 khoảng 0,5m bắn phát thứ ba và phát thứ tư vào đầu chị Trang. Sau khi bắn xong, T1 điều khiển xe mô tô BKS 20F1-234.56 đến nhà anh Nguyễn Ngân S, nhưng anh S không có nhà, T1 gửi xe mô tô ở nhà ông Nguyễn Văn V (bố anh S). T1 đi bộ đến đê sông C vứt túi chéo đang đeo vào bụi cỏ, vứt điện thoại di động xuống sông, rồi gọi xe taxi đi đến thị trấn N1, huyện T8, tỉnh B1 mua điện thoại di động khác gọi cho anh Bùi Văn S, sinh năm 1986, trú tại xóm M1, xã L, thành phố T, tỉnh T, anh S khuyên T1 ra đầu thú. Đến 23 giờ 15 phút ngày 26/8/2020, T1 đến Công an thị trấn N1, huyện T8, tỉnh B1 đầu thú.

Hậu quả: Anh T6 bị thương nặng được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức Hà Nội, chị Trần Thị T4 chết trước khi đưa vào Bệnh viện đa khoa Trung ương T cấp cứu.

* Kết quả khám nghiệm hiện trường nơi T1 thực hiện hành vi gây thương tích cho chị T4 ngày 08/6/2020 không phát hiện, thu giữ dấu vết vật chứng gì.

Tại Kết luận giám định số 335/TgT, ngày 07/7/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh T, kết luận: Tỷ lệ thương tích của chị Trần Thị T4 là 11%, do T1 gây ra ngày 08/6/2020.

* Kết quả khám nghiệm hiện trường hành vi phạm tội ngày 26/8/2020, đã phát hiện thu giữ dấu vết, vật chứng như sau:

- Vị trí số 1: Là vị trí xe máy HONDA AIRBLADE màu đen, BKS 20B1-683.41 sát mép đường bên phải (theo hướng đường đi từ đường P1, đến khu dân cư số 06) cách ngã tư P1 – N2 31,7m. Xe ở trạng thái đổ nghiêng phải, đầu xe quay về phía đông bắc, đuôi xe quay về phía tây nam. Trên xe có 02 chiếc mũ bảo hiểm, 01 chiếc mũ màu xanh (dạng mũ lưới trai) in chữ DUCATI, phía dưới xe có 01 chiếc mũ bảo hiểm (dạng mũ lưới trai) màu hồng, nhãn hiệu FLOWER ROMATIC.

- Vị trí số 2: Là vị trí dấu vết máu chảy đọng trong diện (0,62m x 0,65m), vị trí số 2 tiếp giáp với tay ga của xe máy về phía đông, cách tường bao của đài tưởng niệm T7 2,6m.

- Vị trí số 3: Là vị trí đôi dép nữ nhãn hiệu ZARA số 37, phần đế màu đen trắng, phần quai dép màu trắng, chiếc dép bên trái có mũi dép quay về phía Tây Bắc, mũi dép nằm dưới phần tay xách bằng kim loại cuối đuôi xe, chiếc dép bên phải cách chiếc dép bên trái 0,3m.

- Vị trí số 4: Là vị trí chiếc dép bên trái màu đen, in chữ ADIDAS cách vị trí số 1 về phía đông bắc 11m, cách mép đường bên phải hướng từ đường Phùng Chí Kiên đến khu dân cư số 6 là 1,5m.

- Vị trí số 5: Là vị trí chiếc dép bên phải màu đen in chữ ADIDAS, cách vị trí số 4 về phía đông 14,3m, cách mép đường phía bên phải hướng từ đường phố Nguyễn Trung Trực vào đường ngõ số 4, phố Nguyễn Trung Trực 1,5m.

* Kết quả khám nghiệm tử thi Trần Thị T4 phát hiện các dấu vết gồm:

- Tại vùng vai áo phía sau bên trái, cách dưới đường may cổ áo 21cm, cách ngang đường may chỉ nách 07cm có vết rách vải đường kính 0,4cm; mũi miệng có nhiều máu chảy ra; vùng thái dương trái, cách trên đỉnh góc vành tai trái 3,5cm có vết thủng da cơ hình tròn, đường kính 0,3cm, tổ chức da quanh mép vết thủng bị sém (vết số 1); vùng thái dương trái cách sau đỉnh góc vành tai trái 4,5cm cách (vết số 1) 1,5cm có vết thủng da cơ hình tròn, đường kính 0,3cm, tổ chức da quanh mép vết thủng bị sém (vết số 2); tại vùng bả vai bên trái cách dưới mồm cùng vai trái 19cm, cách ngang hõm nách trái 08cm có vết thủng da cơ hình tròn, đường kính 0,5cm. Tổ chức da quanh mép vết thủng bị

sém (vết số 3); toàn bộ mặt sau đùi phải xuống dưới cẳng chân phải có bám dính bùn đất màu đen.

- *Mổ tử thi thấy*: Vết số 1 xuyên thủng thái dương trái, kích thước (0,8cm x 0,6cm), xuyên qua mặt dưới hai bán cầu đại não đến mặt trong xương thái dương bên phải, xuyên lên thùy đỉnh bán cầu não phải; vết số 1 có chiều hướng từ trái qua phải, từ sau ra trước, tụ máu dưới màng nhện thùy thái dương thùy đỉnh bên trái và thùy đỉnh bên phải; tại thùy đỉnh bên phải có 01 viên kim loại bị biến dạng kích thước (0,7cm x 0,5cm x 0,5cm); tổ chức da và cơ vùng thái dương trái tương ứng vết số 02 bị dập tụ máu, có nhiều mảnh kim loại kích thước khác nhau, mảnh to nhất kích thước (0,6 cm x 0,5cm); vết số 2 có chiều hướng từ trái qua phải; vết số 3 xuyên qua xương bả vai trái, thủng thùy trên phổi trái đến mặt sau xương ức, tại điểm cách đầu trên xương ức 5,5cm, thủng thùy trên phổi phải, gây cung bên xương sườn số 04 bên phải; vết số 03 có chiều hướng từ trái qua phải, từ sau ra trước; tại cơ vùng hõm nách phát hiện 01 viên kim loại, hình trụ dài 01cm, đường kính 0,4cm; trong khoang ngực hai bên có nhiều máu không đông; trong dạ dày có thức ăn đang tiêu hóa; tử cung kích thước bình thường, trong tử cung không có thai nhi.

Tại Kết luận giám định số 1184/KL-KTHS ngày 18/9/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T kết luận: Trần Thị T4, sinh năm 1987, trú tại phường P, thành phố T, tỉnh T bị viên kim loại bắn xuyên thủng xương hộp sọ, thủng tổ chức não, gây tổn thương thần kinh trung ương; thủng nhu mô phổi, chảy máu trong khoang ngực, gây suy hô hấp dẫn đến chết.

Tại Kết luận giám định số 635/KL-PY ngày 18/11/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh T kết luận: Anh Nguyễn Tiến T6 bị tổn thương với các dấu vết thương tích gồm: Tổn thương màng phổi, tổn thương nhu mô phổi, có 01 sẹo vết thương phần mềm, kích thước lớn và 03 sẹo vết thương phần mềm kích thước nhỏ. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 20%.

Tại Kết luận giám định pháp y số 5916/C09-P3 ngày 18/9/2020 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Khẩu súng gửi giám định là súng ổ quay cỡ nòng 5,6mm, thuộc vũ khí quân dụng, hiện còn sử dụng để bắn được; 02 viên kim loại gửi giám định là đầu đạn của loại đạn thể thao cỡ 5,6mm, do khẩu súng gửi giám định bắn ra; Các mẫu kim loại gửi giám định là các mảnh đầu đạn của loại đạn thể thao cỡ 5,6mm. Trong đó, mẫu kim loại có kích thước (5mm x 5mm x 7mm) là do khẩu súng gửi giám định bắn ra. Các mẫu kim loại còn lại dấu vết không đủ cơ sở xác định khẩu súng đã bắn.

Vật chứng, đồ vật thu giữ gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, vỏ màu đen, số thuê bao 0705.602.293; 01 đôi dép nữ nhãn hiệu ZARA số 37; 01 đôi dép nam màu đen, trên dép in dòng chữ ADIDAS; 01 bì niêm phong, bên trong có 01 áo cộc tay màu đen; 01 quần đùi bò màu xanh; 01 xe mô tô nhãn hiệu SH 150i, màu sơn đỏ, BKS 20F1-234.56; 01 mũ lưỡi trai, màu đen, có mác “Nón sơn”; 01 áo phông cộc tay, màu ghi đen; 01 quần soóc màu đen, loại quần chun; 01 đôi dép tông, màu xanh biển, dạng xỏ ngón, đã qua sử dụng do T1 giao nộp; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA N1280, vỏ màu đen xám đã qua sử dụng;

01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu trắng xám đã qua sử dụng do thu giữ của bị cáo T4; 01 khẩu súng có ký hiệu RUGER USA do bị cáo T1 giao nộp; 02 mẫu kim loại; các mẫu kim loại thu giữ khi khám nghiệm bị cáo T4; 01 viên kim loại thu giữ tại Bệnh viện Việt Đức khi cấp cứu bị cáo T6. Đồ vật, tài liệu tạm giữ trong quá trình điều tra đã được bàn giao cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh T để bảo quản và quản lý theo quy định.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, Biên bản khám nghiệm tử thi, các Kết luận giám định, vật chứng thu giữ, lời khai của bị hại, lời khai người làm chứng và các chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2021/HS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh T đã tuyên bố bị cáo Nông Văn T1 phạm các tội “Giết người”; tội “Cố ý gây thương tích” và tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”.

- Căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 40 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nông Văn T1 **Tử hình** về tội “Giết người”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nông Văn T1 **02** (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nông Văn T1 **08** (tám) năm tù về tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 03 tội là **Tử hình**.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02 tháng 7 năm 2021, bị cáo Nông Văn T1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự có ý kiến cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng thiếu tình tiết tăng nặng “Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng” theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; tuy nhiên quyết định áp dụng hình phạt cao nhất đối với bị cáo là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 348, 356 Bộ luật tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nông Văn T1; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo có quan điểm thể hiện việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 và tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 1 Điều 134, khoản 2 Điều 304 Bộ luật Hình sự là không có căn cứ, vì bị hại có lỗi nên bị cáo giết người không thuộc tình tiết định khung có tính chất côn đồ; đối với tội “Cố ý gây thương tích” bị hại đã rút đơn, thuộc trường hợp vụ án phải đình chỉ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyên nhân dẫn đến bị cáo có hành vi phạm tội, sau khi phạm tội bị cáo đã đầu thú, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường một phần cho đại diện bị hại để xem xét tha tội chết cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với Kết luận giám định, lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận: Do có mâu thuẫn giữa bị cáo với người bị hại chị Trần Thị T4 trong việc thanh toán tiền vay, khoảng 21 giờ ngày 08/6/2020, Nông Văn T1 đã có hành vi dùng tay, chân đâm, đá vào đầu, mặt, tay dẫn đến chị T4 bị gãy tay phải, với tỷ lệ thương tích là 11%. Việc thỏa thuận bồi thường giữa hai bên chưa giải quyết xong, khoảng 20 giờ ngày 26/8/2020, T1 hẹn gặp chị T4 để trao đổi việc bồi thường. Đến điểm hẹn bị cáo đã sử dụng khẩu súng dạng côn xoay ký hiệu RUGER USA, là vũ khí quân dụng bắn vào ngực anh Nguyễn Tiến T6 và bắn 03 phát vào người, đầu chị T4. Hậu quả: anh Nguyễn Tiến T6 bị thương tích với tỷ lệ 20%; chị T4 bị bắn thủng xương hộp sọ, thủng tổ chức não, gây tổn thương thần kinh trung ương; thủng nhu mô phổi, chảy máu trong khoang ngực, suy hô hấp dẫn đến chết. Hành vi nêu trên của bị cáo đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về các tội “Giết người” theo điểm a, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự; tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự; tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” theo khoản 2 Điều 304 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo cho rằng đối với tội “Cố ý gây thương tích” bị hại đã rút đơn, thuộc trường hợp vụ án phải đình chỉ là không có

căn cứ. Bồi đơn xin bồi nại do chị T4 viết và Ủy ban nhân dân phường xác nhận đề ngày 26/8/2020 (cùng ngày chị T4 bị bắn), được để trong cốp xe máy chị T4 sử dụng để cùng anh T6 đến gặp bị cáo để thỏa thuận bồi thường. Tuy nhiên giữa hai bên chưa có việc trao đổi bị cáo đã tước đi tính mạng của chị T4 do đó không được xem xét.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo Nông Văn T1 là đặc biệt nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt mà bị cáo dùng súng bắn vào người và đầu chị Trang, tước đoạt sinh mạng của người bị hại; dùng súng bắn trúng ngực anh Tùng, anh Tùng không chết là ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo. Hành vi của bị cáo được thực hiện có dự mưu từ trước, liên tục, kế tiếp nhau trong một thời gian rất ngắn thể hiện sự quyết tâm thực hiện tội phạm đến cùng là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ bổ sung cho đảm bảo việc áp dụng pháp luật.

Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại; sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã ra đầu thú để áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là phù hợp.

Xét hành vi giết người của Nông Văn T1 mang tính chất dã man, tàn bạo, không còn tình người được thực hiện ngay giữa phố, phường đông người, bất chấp quy định của pháp luật. Mặt khác bị cáo là người có nhân thân xấu, có 02 tiền án trong đó đã có tiền án về tội “Cố ý gây thương tích” và “Cướp tài sản”, mặc dù đã được xóa án tích, nhưng với tính chất mức độ của hành vi phạm lần này bị cáo phạm 03 tội thể hiện bị cáo là người không thể cải tạo giáo dục được. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định áp dụng hình phạt cao nhất, loại trừ vĩnh viễn bị cáo ra khỏi đời sống xã hội là phù hợp, nhằm có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Do đó Hội đồng xét xử đồng tình với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo cũng như quan điểm của người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nông Văn T1. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2021/HS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

- Căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52; Điều 40 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn T1 **Tử hình** về tội “Giết người”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn T1 **02** (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nông Văn T1 **08** (tám) năm tù về tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 03 tội là **Tử hình**, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Về án phí: Bị cáo Nông Văn T1 phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo Nông Văn Tú có quyền làm đơn gửi Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xin ân giảm án tử hình.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- Cục THADS tỉnh T;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh T;
- Bị cáo (qua Trại tạm giam);
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Thu Hà